

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM RURAL DEVELOPMENT ECONOMIC AND DEVELOPMENT CONSULTANT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VN RDE ADC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109183168

3. Ngày thành lập: 15/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, phòng 201, Tòa nhà Infisco, Số 9 Nguyễn Hồng, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0792749279

Fax:

Email: bqlda98ited@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132

21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò Chi tiết: - Sản xuất giống trâu, bò - Chăn nuôi trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa Chi tiết: Sản xuất giống ngựa, lừa Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: Sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai	0144
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn Chi tiết: Sản xuất giống lợn Chăn nuôi lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm Chăn nuôi gà Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng Chăn nuôi gia cầm khác	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
33.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
36.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
37.	Sản xuất sợi	1311
38.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
39.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
40.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
41.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
42.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
43.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
44.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
45.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

46.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm	1420
47.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy - Lắp đặt hệ thống chống trộm, camera quan sát - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4322
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4610
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4620
53.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
54.	Bán buôn thực phẩm Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4632
55.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn - Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
56.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: thương nhân phân phối xăng dầu	4661
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4663
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4669
59.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4690
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4711

61.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4722
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4781
63.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4789
64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4791
65.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4799
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	5621
72.	Dịch vụ ăn uống khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	5629
73.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ: Hoạt động đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
74.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020(Chính)

75.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Thầu và tổng thầu thi công xây dựng công trình - Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị và xây lắp các công trình dựng công nghiệp và dân dụng - Lập dự án đầu tư, báo cáo đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp và dân dụng - Giám sát thi công xây dựng - Khảo sát địa hình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng.	7110
76.	Quảng cáo Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7310
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
78.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
79.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: -Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước -Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
80.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
81.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
82.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
83.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	8211
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
85.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	8560
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Xóm Kim, Xã Mỹ Thắng, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	163389374	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	LÊ KHÁNH	Số 47/437 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	001057011956	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ MỐI	Số 129 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	C8230395
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỐI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 30/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C8230395

Ngày cấp: 28/10/2019

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 129 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 129 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội